

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1114/2022/HSPT

Ngày: 22-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tâm

Các Thẩm phán: 1. Ông Trần Nam Hà

2. Bà Đặng Thị Thanh Huyền

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 801/2022/TLPT-HS ngày 27 tháng 10 năm 2022 đối với các bị cáo Nguyễn Văn M, Phạm Chí T và Nguyễn Quang V do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đối với bản án hình sự sơ thẩm số 265/2022/HS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:**

1. Nguyễn Văn M, sinh năm 1979.

ĐKKHKT: Tầng 1 A5, G, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Số 2 ngõ 162/130/18 K, phường K, quận T, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị T (đều đã chết); có vợ Nguyễn Phương T1 và 02 con (con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Danh chỉ bản số 000000212 lập ngày 27/3/2022 tại Công an quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2022; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội; *có mặt tại phiên tòa;*

*** Bị cáo không có kháng cáo, bị kháng nghị:**

1. Phạm Chí T, sinh năm 1993.

ĐKHKT: Tổ 40, Khu 9, phường T3, thành phố V1, tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Số 180/66 N, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc T2 và bà Đỗ Thị Kim L; có vợ Lê Thị Bích T3 và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Danh chỉ bản số 000000213 lập ngày 27/3/2022 tại Công an quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bị bắt quả tang, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2022; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội; *có mặt tại phiên tòa;*

2. Nguyễn Quang V, sinh năm 2001.

ĐKHKT: Thôn T4, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Không có nơi ở cố định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Tày; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn V1 và bà Đinh Thị V2; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không;

Danh chỉ bản số 000000214 lập ngày 27/3/2022 tại Công an quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bị cáo đầu thú và bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/3/2022; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố Hà Nội; *có mặt tại phiên tòa.*

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn M và bị cáo Phạm Chí T:** Bà Chu Thị Vân, Luật sư của Công ty Luật TNHH Chu Vân Royal, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; *có mặt tại phiên tòa.*

*** Bị hại:** Ông Nguyễn Văn V2, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn T4, xã V, huyện B, tỉnh Hà Giang; *vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ khoảng tháng 02 năm 2022, Nguyễn Văn M và Phạm Chí T nhiều lần cho Nguyễn Quang V vay tiền. Tổng tiền M cho V vay là 120.000.000 đồng, T cho V vay là 30.000.000 đồng. Ngày 08/3/2022, V gặp M, T tại một quán nước trà đá ở khu vực hồ Hạ Đình, T, Hà Nội để bàn về việc trả nợ của V, tại đây V nói muốn về nhà để thu xếp tiền trả nợ nhưng M và T không đồng ý vì lo sợ V sẽ bỏ trốn. V hỏi M “có cách gì anh chỉ em với”, M nói “mày gọi về bán đất, báo gia đình tăng tiền lên khoảng 300 triệu mà lấy tiền làm ăn với bọn anh”. V đồng ý và nói sẽ báo tăng lên thành 400 triệu đồng để trả nợ M, T 150 triệu đồng, còn 250 triệu đồng sẽ góp vốn làm ăn. Ngay sau đó V gọi điện thoại cho bố để là ông Nguyễn Văn V2 (sinh năm 1969; trú tại: Thôn T4, V, B, Hà Giang) báo rằng V đang nợ M số tiền 400 triệu đồng và xin gia đình cứu, mang tiền xuống trả thay cho V, ông V2 hẹn vài ngày để thu xếp tiền. Sau đó để tạo bằng chứng việc đang nợ tiền, V đã viết 01 giấy biên nhận với nội dung V nhận của M số tiền 400 triệu đồng để mua ô tô cho M, viết xong V đã đưa tờ giấy này cho T, T cầm chụp ảnh lại và gửi qua Zalo cho M.

Ngày 09/3/2022, ông V2 đã gọi điện thoại nói với cháu họ là anh Nguyễn Mạnh Hà (sinh năm 1983; trú tại: Tổ 25, phường Vĩnh Tuy, H, Hà Nội) việc V gọi điện báo đang nợ 400 triệu đồng và nhờ anh Hà xem giúp tình hình của V thế nào. Anh Hà gọi điện thoại cho V thì T nghe máy và thông báo V đang bị giữ và yêu cầu gia đình mang tiền đến trả cho V, anh Hà muốn hẹn gặp V để xem thực tế nợ nần thế nào thì T hẹn anh Hà đến khu vực phố Thái Thịnh, Đống Đa, Hà Nội. Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 09/3/2022, V, M, T đến quán trà đá tại vỉa hè trước cửa số 98 Thái Thịnh để gặp anh Hà. Khi đi M còn rủ thêm anh Nguyễn M Đức (sinh năm 1987; Trú tại: Số 2 V Hữu Lợi, Nguyễn Du, Hai Bà Trưng, Hà Nội) đến uống nước cùng. Gặp anh Hà, M nói V đang nợ M số tiền 400 triệu đồng, yêu cầu gia đình phải trả cho V đồng thời cho anh Hà xem tờ giấy biên nhận mà V viết. Anh Hà chụp ảnh lại tờ giấy này và hỏi V: “có thật không?”, V nói: “anh cứu em với” nên anh Hà ra về và báo lại cho ông V2 biết.

Do không thấy phía gia đình V mang tiền xuống trả nên M bảo T gọi cho ông V2. Sau đó T đã nhiều lần sử dụng điện thoại Samsung Galaxy A70 lắp sim số 0899801993 của T và điện thoại redmi 9 lắp sim số 0399902193 của V gọi cho ông V2 số điện thoại 0986941300 để đe dọa nếu không trả tiền cho V

thì sẽ cho V đi tù hoặc sẽ không biết chuyện gì xảy ra với V đồng thời qua những lần điện thoại này V cũng nói với ông V2 “bố cứu con, giúp con trả nợ cho người ta, con đang bị các anh bắt giữ”.

Chiều ngày 11/3/2022, V, M, T gặp nhau tại khu vực hồ Hạ Đình, T để đợi ông V2 mang tiền xuống. Tại đây M gọi điện rủ anh Nguyễn M Đức (có địa chỉ nêu trên) đến uống nước cùng, trong lúc ngồi uống nước do gọi điện nhiều lần nhưng không thấy ông V2 nghe máy nên T đã nhờ anh Đức sử dụng điện thoại của Đức gọi vào số ông V2 để hỏi xem ông V2 về đến Hà Nội chưa. Anh Đức đồng ý nên đã sử dụng điện thoại của mình để gọi cho ông V2, khi ông V2 nghe điện thoại và trả lời đang trên đường đi xuống Hà Nội, anh Đức đã báo lại với T rồi tất cả đi uống bia. Sau đó vẫn không thấy ông V2 liên lạc lại nên T gọi điện cho ông V2 thì ông V2 báo lại hiện vẫn đang ở Hà Giang nên M, T, V thống nhất bảo T gọi lại cho ông V2 để tiếp tục gây sức ép, T gọi cho ông V2 với nội dung “ngày mai (12/3/2022) ít nhất chú phải mang 200 triệu đồng xuống trả nếu không chúng cháu sẽ cho V đi tù hoặc đi bán thân, có chuyện gì xảy ra với thằng V chúng cháu không chịu trách nhiệm”.

Lo sợ đến sức khỏe, tính mạng của con mình bị đe dọa nên ông V2 đã đến Công an quận Đống Đa trình báo và hẹn các đối tượng đến quán cà phê số 98 Thái Thịnh để trả tiền. Khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 12/3/2022 M, T, V đã bàn bạc và phân công nhau cụ thể: T và M sẽ trực tiếp đến quán cà phê số 98 Thái Thịnh, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội để gặp ông V2 còn V không vào cùng mà đứng cách đó một đoạn để nghe ngóng tình hình. Tại quán cà phê số 98 Thái Thịnh, ông V2 và anh Nguyễn Mạnh Hà xin được trả trước cho M, T 50 triệu đồng, còn 150 triệu đồng hẹn ba ngày sau sẽ trả tiếp. M đồng ý và viết một tờ giấy biên nhận số tiền 50 triệu đồng, anh Hà đưa cho T 17.000.000 đồng tiền mặt còn 33.000.000 đồng xin chuyển khoản sau. Sau đó, Công an quận Đống Đa kiểm tra phát hiện và bắt quả tang M, T thu giữ toàn bộ vật chứng có liên quan đồng thời tiến hành xác minh, triệu tập Nguyễn Quang V về trụ sở để làm việc.

Quá trình điều tra Cơ quan Công an đã lập biên bản tạm giữ những đồ vật, tài liệu của Nguyễn Văn M: 01 tờ giấy biên nhận với nội dung nhận số tiền 400 triệu đồng do Nguyễn Quang V viết; 01 điện thoại Iphone 11 promax màu xanh kèm sim; Thu giữ của Phạm Chí T: 17.000.000 đồng; 01 tờ giấy biên nhận với nội dung nhận số tiền 50 triệu đồng do Nguyễn Văn M viết, 01 điện thoại Samsung Galaxy A70 màu xanh kèm sim; Thu giữ của Nguyễn Quang V: 01 điện thoại Redmi 9 màu xanh kèm sim; Thu giữ của anh Nguyễn

Mạnh Hà: 01 chiếc USB chứa nội dung đoạn Video ghi lại việc các đối tượng gọi điện thoại cho ông V2.

Tại bản kết luận giám số 2653 ngày 11 tháng 5 năm 2022 của Viện Khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: “Tập video mẫu cần giám định có dung lượng là 53.7 MB. Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong mẫu cần giám định.”

Tại Cơ quan điều tra Nguyễn Văn M, Phạm Chí T, Nguyễn Quang V khai nhận như nội dung nêu trên.

Đối với Nguyễn M Đức là người có mặt cùng các bị can vào tối ngày 09/3/2022 và là người được bị can T nhờ gọi điện thoại cho ông V2 để hỏi ông V2 đi đến đâu rồi vào ngày 11/3/2022, tuy nhiên Đức không biết và không tham gia vào việc đe dọa, gây sức ép cho gia đình ông V2 nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

Đối với số 17.000.000 đồng là của anh Nguyễn Mạnh Hà cho vay, đây là tài sản hợp pháp của anh Hà nên Cơ quan điều tra đã trao trả số tiền trên cho anh Nguyễn Mạnh Hà. Anh Hà đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì khác.

Tại bản Cáo trạng số 207/CT-VKSĐĐ ngày 06/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội truy tố các bị cáo Nguyễn Văn M, Phạm Chí T và Nguyễn Quang V về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 265/2022/HS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn M, Phạm Chí T và Nguyễn Quang V phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 10 năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày bắt 12/3/2022.

- Xử phạt bị cáo Phạm Chí T 10 năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày bắt 12/3/2022.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang V 10 năm tù. Thời hạn tù kể từ ngày bắt 12/3/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2022, bị cáo Nguyễn Văn M có đơn kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 13/10/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội ra Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 12/QĐ-VKSHN đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 265/2022/HS-ST ngày 19/9/2022 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, đề nghị Toà án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo Nguyễn Văn M, Phạm Chí T và Nguyễn Quang V.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Văn M, Phạm Chí T và Nguyễn Quang V thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ ra ăn năn hối cải. Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

Về hình thức kháng cáo, kháng nghị: Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trong thời hạn luật định, đúng về chủ thể, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn M, Phạm Chí T và Nguyễn Quang V tại phiên tòa, có đủ cơ sở xác định: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Văn M, Phạm Chí T và Nguyễn Quang V về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn M, Phạm Chí T và Nguyễn Quang V mỗi bị cáo 10 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” là chưa phù hợp do chưa đánh giá, phân hoá vai trò của từng bị cáo cũng như chưa xem xét nhân thân của các bị cáo để quyết định mức án phù hợp.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

Cụ thể:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M từ 07 năm - 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày bắt 12/3/2022.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Phạm Chí T từ 05 năm - 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày bắt 12/3/2022.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang V từ 05 năm - 05 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù kể từ ngày bắt 12/3/2022.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn M và bị cáo Phạm Chí T nhất trí với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với các bị cáo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, các bị cáo mới chiếm đoạt 17.000.000 đồng của bị hại và số tiền này đã trả lại bị hại nên đề nghị xét xử các bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm h, b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo và áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Chí T (ông nội bị cáo là thương binh, bị cáo đã tham gia quân đội, hoàn cảnh gia đình khó khăn) để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M và Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội trong thời hạn luật định, đúng về chủ thể, được Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]Bị hại ông Nguyễn Văn V2 vắng mặt tại phiên tòa, xét thấy sự vắng mặt ông V2 không gây trở ngại đến việc xét xử, giải quyết vụ án nên căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Căn cứ vào lời khai của các bị cáo Nguyễn Văn M, Phạm Chí T và Nguyễn Quang V, vật chứng thu được, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận:

Từ ngày 09 đến ngày 12/3/2022 Nguyễn Văn M, Phạm Chí T và Nguyễn Quang V đã có hành vi uy hiếp tinh thần của ông Nguyễn Văn V2. Trong đó M là người khởi xướng, V có nhiệm vụ điện thoại giả vờ bị chủ nợ bắt giữ để cầu cứu ông V2, sau đó tắt điện thoại để gia đình không liên lạc được, T nhiều lần điện thoại, có những lời nói đe dọa ông V2, mục đích để các bị cáo chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng. Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 12/3/2022 tại quán cà phê số 98 Thái Thịnh, phường Ngã Tư Sở, quận Đống Đa, Hà Nội; M, T vừa nhận số tiền 17.000.000 đồng từ ông V2 thì bị Cơ quan điều tra bắt quả tang.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn M, Phạm Chí T và Nguyễn Quang V đã cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” với tình tiết “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng”. Tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Văn M, Phạm Chí T và Nguyễn Quang V về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 170 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây hoang mang, lo sợ cho bị hại, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội. Do đó, cần phải xử lý nghiêm các bị cáo theo quy định của pháp luật để răn đe và phòng ngừa chung.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn M, Phạm Chí T và Nguyễn Quang V đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải để cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tuy nhiên, các bị cáo Nguyễn Văn M, Phạm Chí T và Nguyễn Quang V đều phạm tội lần đầu, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội, bị cáo Nguyễn Quang V đã đến Cơ quan điều tra để đầu thú (Bút lục 146); quá trình chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bố của bị cáo Phạm Chí T đã xuất trình các

tài liệu thể hiện bị cáo có người thân là người có công với cách mạng (Bút lục 252-259) nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét. Mặt khác, các bị cáo có mục đích chiếm đoạt số tiền 400.000.000 đồng của bị hại ông Nguyễn Văn V2 nhưng thực tế mới chiếm đoạt được 17.000.000 đồng thì bị bắt quả tang và số tiền 17.000.000 đồng đã được trả lại bị hại nên thiệt hại mà các bị cáo gây ra không lớn. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng thêm các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn M, Phạm Chí T và Nguyễn Quang V.

Về vai trò của các bị cáo trong vụ án, bị cáo Nguyễn Văn M có vai trò đầu vụ, chủ mưu; bị cáo Nguyễn Quang V là người chủ động nâng số tiền dự kiến chiếm đoạt lên 400.000.000 đồng và nếu chiếm đoạt thành công số tiền đó thì bị cáo V được hưởng nhiều nhất (250.000.000 đồng) nên bị cáo M và bị cáo V phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất; còn bị cáo Phạm Chí T có vai trò thấp nhất nên trách nhiệm hình sự của bị cáo T thấp hơn bị cáo M và bị cáo V.

Tại cấp phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình tài liệu, chứng cứ mới, xét mức hình phạt 10 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với mỗi bị cáo Nguyễn Văn M, Phạm Chí T và Nguyễn Quang V là quá nghiêm khắc nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, sửa quyết định của bản án sơ thẩm, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, quyết định mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với các bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và đấu tranh phòng, chống tội phạm.

[5]Hội đồng xét xử sửa quyết định của bản án sơ thẩm nên bị cáo Nguyễn Văn M không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

[6]Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn M và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội, sửa Quyết định của bản án sơ thẩm:

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 170; các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn M 06 (*Sáu*) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 12/3/2022.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Quang V 06 (*Sáu*) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 12/3/2022.

- Xử phạt bị cáo Phạm Chí T 05 (*Năm*) năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Thời hạn tù kể từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 12/3/2022.

2. Về án phí: áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Văn M không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 22/12/2022.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an quận Đống Đa;
- VKSND quận Đống Đa;
- TAND quận Đống Đa;
- THADS quận Đống Đa;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu Hồ sơ vụ án, V.Phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Tâm